

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

#### HSX:

#### Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	402.08 ↑	6.06	1.53%
KLGD (triệu ck)	29.64 ↓	-3.71	-11.13%
GTGD (tỷ đồng)	453.44 ↓	-51.95	-10.28%
Tổng cung (triệu ck)	102.27 ↓	-13.05	-11.32%
Tổng cầu (triệu ck)	119.16 ↓	-0.42	-0.35%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	2.94 ↓	-1.41	-32.43%
KL bán (triệu ck)	3.02 ↓	-0.92	-23.41%
Giá trị mua (tỷ đồng)	75.48 ↓	-42.08	-35.79%
Giá trị bán (tỷ đồng)	55.96 ↓	-30.58	-35.33%

#### Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	414	**
Kháng cự 2	425	***
Kháng cự 3	436	*
Hỗ trợ 1	378	*
Hỗ trợ 2	370	**
Hỗ trợ 3	350	**

- \* Yếu
- \*\* Trung Bình
- \*\*\* Mạnh
- \*\*\*\* Rất mạnh

Công Ty CPOCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

#### Nhận định thị trường:



#### Tin đáng chú ý:

- Từ ngày hôm nay (4/9), với việc rút ngắn quy trình thanh toán chứng khoán, nhà đầu tư sẽ được bán chứng khoán trước một ngày so với hiện tại.
- Đến ngày 31/8, lãi suất liên ngân hàng qua đêm, một tuần chỉ còn 2,75%/năm, 3,75%/năm; Trên thị trường mở (OMO) tính đến 31/8, tổng lượng vốn bơm qua OMO chỉ còn khoảng 10.960 tỷ đồng, giảm khoảng 60% so với phiên cao điểm ngày 22/08. Các số liệu trên cho thấy tình trạng thanh khoản của một số ngân hàng bắt đầu ổn định trở lại.

#### Nhận định thị trường:

Với thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn vẫn suy giảm thì chỉ số thị trường có khả năng tiếp tục dao động giằng co kèm theo sự phân hóa mạnh, cụ thể HNX-Index sẽ dao động trong vùng 58,8 – 63,5 điểm còn VN-Index dao động trong vùng 378 – 414 và sẽ tiếp tục phụ thuộc vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn.

Một thông kê cho thấy hiện tại thị trường đã có một lượng khá lớn các mã cổ phiếu tiến sát tới vùng hỗ trợ mạnh tại mức giá thấp nhất (đầu năm 2012), trong đó có cả những mã cổ phiếu bluechips có sức tác động mạnh tới tâm lý thị trường như ACB, PVX, VCG, PVG... NĐT ngắn hạn có thể theo dõi các cổ phiếu này, thậm chí tham gia một phần tiền vào thị trường trong trường hợp xuất hiện thêm những tín hiệu tạo đáy tích cực.

**HNX:**

**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	61.65	↑ 0.22	0.36%
KLGD (triệu ck)	23.54	↓ -3.95	-14.36%
GTGD (tỷ đồng)	214.94	↓ -43.25	-16.75%
Tổng cung (triệu ck)	39.66	↓ -6.50	-14.08%
Tổng cầu (triệu ck)	35.78	↓ -5.97	-14.30%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	0.26	↓ -0.24	-48.09%
KL bán (triệu ck)	0.71	↓ -0.45	-38.84%
Giá trị mua (tỷ đồng)	3.67	↓ -3.72	-50.39%
Giá trị bán (tỷ đồng)	8.12	↓ -2.13	-20.79%

**Các ngưỡng kĩ thuật**

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	63,35	*
Kháng cự 2	67,00	***
Kháng cự 3	70,00	**
Hỗ trợ 1	58.79	**
Hỗ trợ 2	55,00	****

- \* Yếu
- \*\* Trung Bình
- \*\*\* Mạnh
- \*\*\*\* Rất mạnh

**Thanh khoản**

KLGD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 10 phiên	37,695,900
Bình quân 25 phiên	33,461,760
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	18,768,100
Phiên gần nhất	19,183,800

**Nhận định thị trường:**



Đồ thị HNX-Index.

**Phân tích kĩ thuật:**

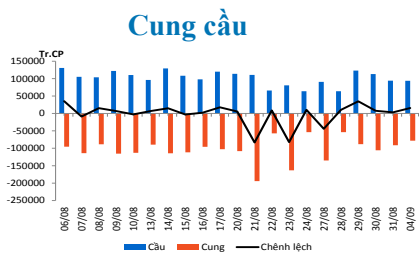
Một thống kê về mặt kĩ thuật trên hai sàn với tiêu chí kiểm chứng cơ bản là ngưỡng hỗ trợ mạnh tương ứng với vùng đáy thấp nhất trong vòng 1 năm (thời điểm cuối năm 2011, đầu năm 2012), kết quả cho thấy:

- Có 69 mã cổ phiếu trên cả hai sàn đã giảm sâu, phá vỡ ngưỡng hỗ trợ mạnh này, chủ yếu là các cổ phiếu pennies và thanh khoản của nhóm này rất nhỏ. Đáng chú ý có một vài mã thanh khoản cao hoặc vốn hóa ở mức trung bình – lớn như ASM, BVH, KBC, VHG, VIS, SHN và VSP.
- Toàn thị trường có khoảng 55 mã cổ phiếu đã chạm hoặc chỉ còn cách ngưỡng hỗ trợ mạnh (đáy cũ) dưới 15% trên thị giá cổ phiếu, chủ yếu rơi vào các mã cổ phiếu pennies và midcaps. Đáng chú ý, trong nhóm này xuất hiện một số mã cổ phiếu bluechips vốn hóa lớn, thanh khoản cao và có sức ảnh hưởng mạnh tới tâm lý thị trường như ACB, PVX, VCG, PVG.

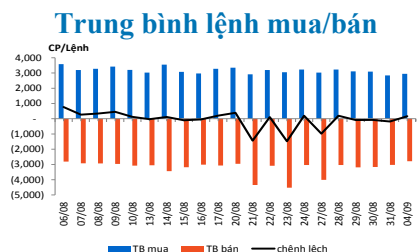
Về mặt kĩ thuật, nhóm cổ phiếu đã phá vỡ đáy cũ nhìn chung sẽ ít gây ảnh hưởng tới thị trường do yếu tố vốn hóa và do giá cổ phiếu đã giảm quá sâu. Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu chạm tới kháng cự mạnh thường có chiều hướng phục hồi trở lại, hoặc dao động quanh ngưỡng kĩ thuật nếu như dòng tiền không tham gia mạnh. HNX-Index có khả năng dao động trong vùng 58 – 63,5 điểm trong ngắn hạn và sẽ chưa thể hiện rõ xu thế. Tuy nhiên NĐT có thể quan sát thêm diễn biến trên một số mã cổ phiếu đã chạm tới hỗ trợ mạnh và nếu xuất hiện diễn biến tích cực, NĐT có thể tham gia một phần tiền vào thị trường.

**HSX:**

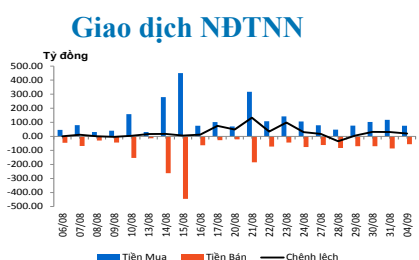
**Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**



Những phút đầu giao dịch thị trường chứng kiến giao dịch khá tích cực của một số mã trong nhóm cổ phiếu VN30 khi phần lớn cổ phiếu trong nhóm đều duy trì sắc xanh. Đợt khớp lệnh đầu tiên, VN-Index tăng nhẹ 1.81 điểm, tương ứng 0.46% lên 397.83 điểm nhờ lực cầu giá xanh từ các mã VNM, MSN, DPM, GAS, MBB.



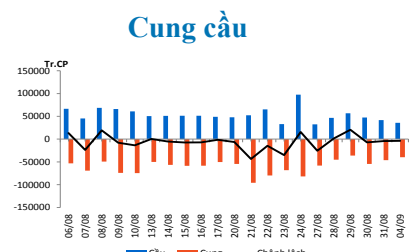
Phiên sáng, VN-index được hỗ trợ mạnh bởi diễn biến tích cực trên các cổ phiếu vốn hóa lớn và một số bluechips. Tổng cộng gần 150 mã tăng giá giúp VN-Index tăng 6.57 điểm, tức 1.66% lên 402.59 điểm. Tuy nhiên thanh khoản thị trường lại tiếp tục giảm khi Suốt buổi sáng, toàn sàn có 23 triệu đơn vị, tương đương 335.38 tỷ đồng, trong đó ITA giao dịch khá mạnh với trên 2.3 triệu đơn vị, tiếp theo là KTB, SSI, SAM, DPM...



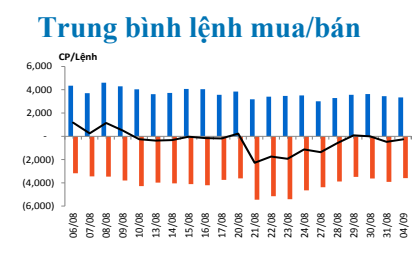
Cuối phiên giao dịch, Chỉ số VN-Index tăng 6.06 điểm (+1.53%) lên mức 402.08 điểm, trong đó có 140 mã xanh, 93 mã giữ giá tham chiếu và 76 mã giảm. Thanh khoản thị trường đạt 29,64 triệu đơn vị, tương đương với 453,44 tỷ đồng – một mức giao dịch thấp và thể hiện tâm lý thị trường vẫn thiên về thận trọng.

**HNX:**

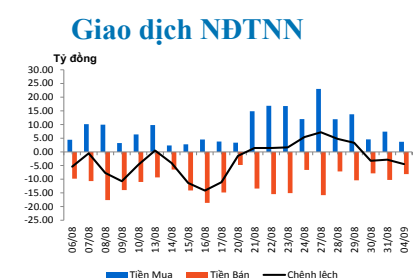
**Diễn biến thị trường Hà Nội:**



Mở cửa trên HNX, các mã cổ phiếu dẫn dắt vẫn giao dịch khá thận trọng. Một số mã có tính chất đầu cơ duy trì ở giá tham chiếu hoặc chỉ xanh nhẹ như KLS, VND, PVS, PVX, SHB... Sau 15 phút, HNX-Index tạm thời tăng nhẹ 0.23 điểm, tương ứng 0.37% lên 61.16 đứng vững trên mốc tham chiếu, nhờ các trụ đỡ PVS, PVX, VND, KLS ...



Phiên sáng, sàn HNX giao dịch khá buồn tẻ, các mã chủ chốt như VND, PVX, KLS, ACB chỉ tăng nhẹ hơn 1% và giao dịch thấp hơn bình thường, trong khi SCR, SHB, PVS, BVS... Cuối buổi HNX tăng 0.29 điểm, ứng với 0.47% đạt 61.72 điểm. Giao dịch dừng ở mức thấp, với 16.27 triệu đơn vị, trị giá 155.78 tỷ đồng.



Cuối phiên, quá trình giằng co vẫn tiếp tục và do không có các cổ phiếu vốn hóa lớn hỗ trợ như chỉ số VN-Index nên mức tăng của chỉ số sàn Hà Nội có phần yếu hơn. Kết phiên, HNX-Index đóng cửa tăng nhẹ 0.22 điểm (0.36%), khối lượng giao dịch vẫn chưa có sự cải thiện so với bình quân 24 phiên giao dịch.

## DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

### Chỉ số Đại diện



### Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	773.11	↑ 2.47	↑ 0.32
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	699.67	↑ 5.36	↑ 0.77
PVN ALLSHARE	680.84	↑ 5.23	↑ 0.77
PVN ALLSHARE HNX	518.4	↑ 2.44	↑ 0.47
PVN ALLSHARE HSX	743.82	↑ 5.96	↑ 0.81
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1179.71	↑ 20.29	↑ 1.75
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	802.82	→ 0	→ 0
PVN Tài Chính	535.03	↑ 3.38	↑ 0.64
PVN Công Nghiệp	392.55	↑ 1.69	↑ 0.43
PVN Dầu Khí	662.65	↑ 3.85	↑ 0.58
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	728.01	↑ 31.65	↑ 4.55

### Chỉ số Ngành



## Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận				
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY	
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11	11

**Chỉ số Đại diện (4):** PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

**Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip):** được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

**Chỉ số Ngành (6):** Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

### Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

### Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

### Phương pháp luận

**Ngày gốc** của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

**Giá trị gốc** của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

### Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

**Cổ tức** được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

### Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

**Giới hạn tỷ trọng vốn hoá** 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 11 mã cổ phiếu đứng giá, 15 mã tăng giá và 2 mã giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng gần 1% nhưng tổng khối lượng giao dịch chỉ đạt 6,375 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 04/09:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,000.0	2,400	↔ 0.00	0.44	13.51	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,000.0	800	↔ 0.00	0.29	27.27	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	3,500.0	504,100	↔ 0.00	0.20	0.34	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	18,000.0	260,900	↑ 2.27	1.48	1.20	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	7,700.0	28,500	↑ 2.67	0.71	4.87	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	-	↔ 0.00	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,500.0	190,200	↔ 0.00	0.45	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	13,600.0	75,300	↑ 1.49	0.81	2.03	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	9,900.0	7,000	↑ 3.13	1.73	4.52	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,400.0	413,100	↑ 1.96	0.67	7.48	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,800.0	9,200	↑ 1.28	0.68	7.98	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	4,300.0	100	↑ 2.38	0.41	2.02	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,300.0	488,762	↑ 0.66	1.29	4.09	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6,500.0	1,389,016	↔ 0.00	0.29	2.44	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	41,100.0	633,240	↑ 0.74	3.32	13.17	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	40,700.0	676,140	↑ 1.75	2.43	6.57	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,700.0	32,650	↑ 0.75	1.23	3.25	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	6,100.0	3,580	↑ 1.67	0.52	4.45	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,400.0	158,680	↔ 0.00	0.65	2.81	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	36,900.0	180,980	↑ 4.83	1.80	5.21	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	3,600.0	37,190	↔ 0.00	0.35	2.79	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,900.0	86,710	↓ -0.85	1.18	6.86	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	10,500.0	501,640	↔ 0.00	0.92	13.29	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,700.0	488,990	↑ 4.44	0.48	42.73	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,200.0	28,590	↓ -3.70	0.50	3.47	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3,900.0	53,450	↔ 0.00	0.35	2.03	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,500.0	106,600	↑ 2.15	0.72	2.85	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,900.0	18,110	↔ 0.00	0.45	3.22	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	↔ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	↔ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	↔ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HSX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
DPM	40,000	40,700	1.75	27,599,632
GAS	40,800	41,100	0.74	25,983,360
BVH	30,500	30,900	1.31	16,217,104
MSN	96,000	100,000	4.17	25,405,130
ITA	5,700	5,900	3.51	14,329,063

## HNX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SVN	41,800	41,800	0.00	26,820
VND	9,900	10,000	1.01	25,038
KLS	8,900	9,000	1.12	13,306
GBS	15,900	15,900	0.00	12,195
SCR	7,700	7,600	-1.30	11,055

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
STG	16,000	16,800	800	5.00
STT	4,000	4,200	200	5.00
FMC	10,000	10,500	500	5.00
CLG	6,000	6,300	300	5.00
AGD	42,100	44,200	2,100	4.99

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
WCS	38,600	41,300	2,700	6.99
TST	4,300	4,600	300	6.98
HLC	10,100	10,800	700	6.93
SCC	2,900	3,100	200	6.90
CAN	25,000	26,700	1,700	6.80

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,200	1,100	-100	-8.33
ITD	6,000	5,700	-300	-5.00
DHC	6,100	5,800	-300	-4.92
SAV	8,200	7,800	-400	-4.88
RAL	29,000	27,600	-1,400	-4.83

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SAP	15,800	14,700	-1,100	-6.96
VC6	7,200	6,700	-500	-6.94
VBC	19,000	17,700	-1,300	-6.84
CVN	10,500	9,800	-700	-6.67
SDE	10,500	9,800	-700	-6.67

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
MSN	23,061	MSN	20,032
GAS	19,628	BVH	7,862
HAG	3,556	EB	5,499
VCB	3,502	KMR	5,064
HSG	3,164	DPM	4,157

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	2,283	AAA	2,302
LAS	353	PVG	1,460
PVX	198	VNR	890
SD7	142	SDT	615
VCS	97	SDA	363

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888

## CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



*Trụ sở chính:*

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

*Chi nhánh Hải Phòng*

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

*Chi nhánh TP.HCM:*

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339